

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 214/2019/DS-PT

Ngày 19/11/2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn.

Các thẩm phán: Ông Trương Công Bình và ông Văn Công Dân.

***-Thư ký phiên tòa:***Bà Lưu Thị Ngọc Thuỷ là Thư ký Tòa án.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên  
tòa:***Ông Ngụ Văn Minh- Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 19/11/2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:186/2019/TLPT-DS ngày 16/9/2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số:15/2019/DS-ST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:250/2019/QĐXXPT-DS ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:197/2019/QĐ-PT ngày 06/11/2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ.

Địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Võ Thị H- Có mặt, (theo văn bản uỷ quyền ngày 20/02/2019).

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị đơn:** Ông Trần Thanh B- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị C.

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Thanh B (theo văn bản uỷ quyền ngày 14/4/2019).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2018 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Đ trình bày: Bà với vợ chồng ông Trần Thanh B, bà Hồ Thị C là bạn học với nhau. Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, bà cho ông B vay tiền nhiều lần; Ngày 28/02/2016 âm lịch (tức là ngày 05/4/2016) hai bên

đối chiếu công nợ và ông B còn nợ bà 213.000.000đ tiền nợ gốc. Vì vậy, ông B viết giấy còn nợ bà 213.000.000đ; Cũng trong ngày 05/4/2016, ông B vay thêm của bà 326.800.000đ, ông B viết giấy nhận nợ tổng cộng 539.800.000đ; Lãi suất cho vay 1.000đ/triệu đồng/ngày.

Ngày 16/7/2016 âm lịch (tức ngày 18/8/2016), ông B đã trả cho bà 150.000.000đ, trong đó trả tiền lãi 74.490.000đ của số tiền nợ gốc 539.800.000đ vay ngày 05/4/2016 và của số tiền nợ gốc 190.000.000đ vay ngày 03/4/2015 âm lịch (tức là ngày 20/5/2015), trả 75.510.000đ tiền nợ gốc của khoản vay 539.000.000đ.

Bà không nhớ ngày, tháng cụ thể, lần thứ hai ông B trả cho bà 95.000.000đ và lần thứ ba ông B trả cho bà 100.000.000đ; Đây là khoản tiền ông B trả cho bà số tiền nợ gốc 190.000.000đ vay ngày 20/5/2015; Lần thứ tư ông B trả cho bà 10.000.000đ của số tiền nợ gốc 539.000.000đ; Việc ông B trả nợ không có giấy tờ gì.

Hiện tại ông B còn nợ bà  $539.800.000đ - (75.510.000đ + 10.000.000đ) = 454.290.000đ$ . Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Thanh B phải trả cho bà số tiền nợ nêu trên và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 19/8/2016.

- *Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Thanh B trình bày:* Do cần vốn kinh doanh nông sản, trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, vợ chồng ông có vay tiền của bà Nguyễn Thị Đ nhiều lần; ngày 28/02/2016 âm lịch, hai bên đối chiếu công nợ và ông còn nợ bà Đ 213.000.000đ tiền nợ gốc, nên ông viết giấy nợ bà Đ 213.000.000đ; Cũng trong ngày 28/02/2016 âm lịch, ông vay thêm bà Đ 326.800.000đ, tổng cộng 539.800.000đ.

Sau khi viết giấy nhận nợ một thời gian, ông đã trả nợ cho bà Đ bốn lần: Lần đầu trả 150.000.000đ, lần thứ hai trả 95.000.000đ, lần thứ ba trả 100.000.000đ và lần thứ tư trả 10.000.000đ; Tổng cộng 355.000.000đ, hiện tại ông còn nợ bà Đ 184.800.000đ tiền nợ gốc; Việc bà Đ cho rằng ông trả nợ lần thứ hai và lần thứ ba, tổng 195.000.000đ là trả nợ số tiền vay 190.000.000đ ngày 03/4/2015 âm lịch là không đúng. Vì số tiền ông vay bà Đ ngày 03/4/2015 âm lịch, đã chuyển vào giấy nhận nợ ngày 28/02/2016 âm lịch. Việc bà Đ khởi kiện, ông chỉ đồng ý trả cho bà Đ 184.800.000đ tiền nợ gốc và trả lãi suất 10%/năm theo yêu cầu của bà Đ.

- *Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị C trình bày:* Bà là vợ ông Trần Thanh B, bà đồng ý với lời trình bày của ông B.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 12/8/2019 của TAND huyện Không Pắc đã áp dụng:* Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244 BLTTDS; Điều

463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc vợ chồng ông Trần Thanh B và bà Hồ Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ 454.290.000đ tiền nợ gốc và 136.621.660đ tiền lãi suất, tổng cộng 590.911.660đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 26/8/2019, bị đơn là ông Trần Thanh B có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh B, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Quá trình tham gia giải quyết vụ án, ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Thị Đ đều thừa nhận trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, ông B vay tiền bà Đ nhiều lần; Ngày 28/02/2016 âm lịch (ngày 05/4/2016), hai bên đối chiếu lại tổng số tiền ông B đã vay, đã trả cho bà Đ và ông B còn nợ bà Đ 213.000.000đ tiền nợ gốc; Cũng trong ngày 05/4/2016, ông B vay thêm bà Đ 326.800.000đ; Tổng cộng ông B vay bà Đ 539.800.000đ; Ông B và bà Đ đều thừa nhận: Sau ngày 05/4/2016, ông B trả cho bà Đ lần thứ nhất 150.000.000đ, trả lần thứ hai 95.000.000đ, trả lần thứ ba 100.000.000đ, trả lần thứ tư 10.000.000đ; Tổng cộng 355.000.000đ. Tuy nhiên, bà Đ cho rằng 195.000.000đ mà ông B trả cho bà lần thứ hai và thứ ba là thanh toán số tiền gốc và lãi của số tiền mà ông B đã vay bà 190.000.000đ vào ngày 03/4/2015 âm lịch, là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, khoản vay này, hai bên đã đối chiếu và xác nhận nợ ngày 05/4/2016. Như vậy, ông B chỉ còn nợ bà Đ  $539.800.000đ - 355.000.000đ = 184.800.000đ$  tiền nợ gốc, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm và buộc vợ chồng ông B trả cho bà Đ 184.800.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi suất, theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình tham gia giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, ông Trần Thanh B vay tiền của bà Nguyễn Thị Đ nhiều lần; Ngày 05/4/2016, hai bên đối chiếu lại số tiền mà ông B đã vay, đã trả cho bà Đ và tính đến ngày 05/4/2016, ông B còn nợ bà Đ số tiền gốc đã vay từ năm 2014 đến năm 2016 là 213.000.000đ, nên ông Đ đã viết giấy nhận còn nợ số tiền nêu trên; Cũng trong ngày 05/4/2016, ông B vay thêm bà Đ 326.800.000đ, tổng cộng 539.800.000đ; Giấy vay tiền, các bên không ghi lãi suất cho vay.

[3] Bà Đ và ông B đều thừa nhận, sau ngày 05/4/2016, ông B đã trả nợ tiền vay cho bà Đ bốn lần, tổng cộng 355.000.000đ. Tuy nhiên, bà Đ cho rằng 355.000.000đ mà ông B thanh toán cho bà, trong đó thanh toán 195.000.000đ của khoản vay 190.000.000đ vào ngày 20/5/2015; thanh toán 74.490.000đ tiền lãi của số tiền nợ gốc 539.800.000đ vay ngày 05/4/2016 và tiền lãi của số tiền nợ gốc 190.000.000đ vay ngày 20/5/2015. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, lời trình bày của bà Đ là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, khoản vay 190.000.000đ vào ngày 20/5/2015, nằm trong các lần ông B vay tiền của bà Đ từ năm 2014 đến năm 2016; Ngày 05/4/2016, hai bên đối chiếu lại số tiền ông B đã vay, đã trả cho bà Đ từ năm 2014 đến năm 2016 và tính đến ngày 05/4/2016, ông B còn nợ bà Đ 213.000.000đ tiền nợ gốc, của các khoản vay từ năm 2014 đến năm 2016; không nợ tiền lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu bà Đ cung cấp chứng cứ các lần ông B vay tiền của bà từ năm 2014 đến năm 2016, để xem xét nhưng bà Đ từ chối. Như vậy, có căn cứ để xác định ông B đã trả cho bà Đ 355.000.000đ tiền nợ gốc, còn nợ 184.800.000đ tiền nợ gốc.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông B phải trả cho bà Đ số tiền nợ gốc đã vay:  $539.800.000đ - 355.000.000đ = 184.800.000đ$  và lãi suất các bên thỏa thuận 10%/năm, tính từ ngày 19/8/2016 theo yêu cầu của bà Đ, đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/8/2019) là 02 năm 11 tháng 23 ngày x  $184.800.000đ \times 10\%/năm = 55.081.000đ$ .

**Về án phí:** Do sửa bản án sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm; Ông Trần Thanh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS: Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh B, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 471, Điều 474, khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005; Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

1.Buộc vợ chồng ông Trần Thanh B, bà Hồ Thị C phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ 184.800.000đ tiền nợ gốc đã vay và 55.081.000đ tiền lãi suất, tổng cộng 239.881.000đ.

Kể từ ngày 13/8/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Thanh B và bà Hồ Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thoả thuận là 10%/năm.

2.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc buộc ông Trần Thanh B và bà Hồ Thị C phải trả số tiền 269.490.000đ.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 13.474.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 13.495.000đ tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp tại biên lai số:0011011 ngày 17/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Bà Đ được nhận lại 20.500đ.

Ông Trần Thanh B và bà Hồ Thị C phải chịu 11.994.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Thanh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông B đã nộp tại biên lai số: 0003808 ngày 26/8/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Huân**







